

THỰC TRẠNG VỀ DẠY HỌC MÔN XÁC SUẤT THỐNG KÊ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP PHÚC YÊN

○ THS. PHẠM THỊ HỒNG HẠNH*

1. Mục tiêu đào tạo nghề kế toán (KT) và mục tiêu của môn Xác suất thống kê (XSTK)

Mục tiêu đào tạo KT viên ở trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng công nghiệp (CDCN) Phúc Yên là đào tạo SV trở thành KT viên có trình độ văn hoá, trình độ kiến thức khoa học KT bậc cao đẳng và có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường, về khoa học tổ chức, quản lý sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Vận dụng những kiến thức về khoa học KT, tài chính và phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp để làm công tác KT trong doanh nghiệp và xử lý linh hoạt các tình huống trong thực tế.

Với mục tiêu đó, chương trình đào tạo ngành KT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (29 tín chỉ) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (80 tín chỉ). Khối kiến thức giáo dục đại cương là vốn văn hóa chung trang bị cho SV tri thức khoa học cơ sở để học tốt các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, đồng thời cùng với khối kiến thức chuyên ngành góp phần hình thành và phát triển năng lực nghề KT của SV sau khi ra trường.

Học phần XSTK (2 tín chỉ) trong khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm trang bị cho SV tri thức khoa học, phương pháp luận nghiên cứu và các kỹ năng, kỹ xảo của môn XSTK, qua đó góp phần rèn luyện SV hệ thống năng lực cần thiết đáp ứng yêu cầu của một người KT viên có tay nghề, có năng lực thực hành, năng động, sáng tạo; có khả năng thích ứng với thị trường lao động, thích ứng với mọi loại hình doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy quá trình dạy học môn XSTK cho SV ngành KT ở trường CDCN Phúc Yên hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ những mục tiêu nêu trên; do đó, việc nghiên cứu thực trạng việc dạy học môn XSTK cho ngành KT theo

hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp, để trong quá trình dạy học, GV có những biện pháp nâng cao năng lực ứng dụng của học phần này đối với nghề KT là rất cần thiết.

2. Thực trạng học và dạy môn XSTK cho SV ngành KT của Trường CDCN Phúc Yên

Khảo sát thực trạng dạy học môn XSTK cho SV ngành KT của Trường, chúng tôi thấy một số vấn đề sau:

1) Về mức độ kiến thức, kỹ năng của SV ngành KT sau khi học xong học phần XSTK. Để điều tra mức độ nhận thức của SV ngành KT sau khi kết thúc học phần XSTK, chúng tôi đã tiến hành khảo sát (tháng 6/2011) 200 SV cao đẳng chính quy khóa 5 (CCK05). Kết quả như sau (xem bảng 1).

Bảng 1. Đánh giá mức độ nhận thức của SV ngành KT sau khi kết thúc học phần XSTK

| Mức độ | Câu hỏi điều tra | Kết quả |
|--------|--|---------|
| 1 | Nhớ được những kiến thức một cách máy móc và nhắc lại nhưng không giải được bài tập (không có khả năng ứng dụng) | 4,5% |
| 2 | Hiểu bài, giải được bài tập cơ bản, nhưng chưa biết ứng dụng của học phần là gì? (tức là không biết ngành KT học XSTK làm gì) | 68,5% |
| 3 | Hiểu bài, giải được bài tập và bước đầu thấy được học để dùng vào trong thực tế | 16,5% |
| 4 | Hiểu bài, giải và phân loại được bài tập, xác định được học để dùng vào trong thực tế, phát triển năng lực nghề nghiệp của mình | 7% |
| 5 | Học giỏi, có kỹ năng giải bài tập, đồng thời giải quyết được bài toán thực tế mà mình lập ra | 2,5% |
| 6 | Học giỏi, có kỹ năng giải bài tập, đồng thời giải quyết được bài toán thực tế và bảo vệ quan điểm mà mình đưa ra. Có khả năng phê bình hoặc rút ra kết luận từ bài toán thực tế nào đó | 1% |

Bảng 1 cho thấy, số SV được khảo sát đạt 89,5% ở 3 mức độ nhận thức đầu (nhớ, hiểu và vận dụng); số SV đạt được 3 mức độ nhận thức phân tích, tổng hợp, đánh giá là rất ít, chiếm 10,5%.

Từ kết quả trên, chúng tôi thấy phần lớn SV ngành KT mới chỉ dừng ở mức nắm được các

* Trường Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên

khái niệm, các tính chất, các vấn đề cơ bản của XSTK mà chưa hiểu thấu đáo các nội dung kiến thức này, chỉ có rất ít (10,5%) biết vận dụng một số kiến thức đã được học từ bộ môn XSTK vào thực tiễn và chuyên ngành KT của mình, điều này chứng tỏ việc học XSTK chưa thực sự có tác dụng tốt cho việc chuẩn bị nghề của SV.

Với thực trạng trên, chúng tôi có một số kiến nghị đối với giảng viên (GV) khi giảng dạy học phần này ở một số biện pháp sư phạm sau: - *Đối với đối tượng có mức độ nhận thức 1* (mức độ nhỏ) cần tăng cường vốn văn hóa chung của học phần XSTK cho họ: bổ sung những kiến thức toán học ở phổ thông, đồng thời hình thành cho họ những kiến thức nền tảng mới, khéo léo đưa những bài toán thực tế, liên quan đến chuyên ngành và nghề KT, kích thích động cơ học tập để bản thân họ tự ý thức được nội dung môn học gắn liền với nghề nghiệp; - *Đối tượng có mức độ nhận thức 2 và 3* (mức độ hiểu và vận dụng) cần tăng cường định hướng nghề nghiệp, làm nổi bật được ứng dụng của XSTK đối với nghề KT qua các ví dụ thực tiễn nghề nghiệp; - *Đối tượng học tốt, tư duy ở mức độ 4, 5, 6* (có tư duy ở mức độ phân tích, tổng hợp, đánh giá) SV nhận ra ý nghĩa của môn học và tự định hướng được ứng dụng của bộ môn vào nghề nghiệp, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, cần tăng cường bài tập lớn và kích thích hứng thú và sáng tạo của SV. Ngoài ra GV có thể tạo điều kiện cho những SV đó tham dự những buổi semina, hoặc chia nhóm giao đề tài để họ tự tìm hiểu, xử lý thông tin, sau đó tổ chức các buổi thảo luận với mục đích bổ sung những nhận thức chưa hoàn chỉnh của họ.

Tóm lại, tùy thuộc vào đối tượng SV mà người GV bộ môn XSTK phải có những biện pháp linh hoạt khác nhau để đáp ứng mục tiêu của môn học là góp phần phát triển năng lực nghề KT cho SV.

2) *Thực trạng việc giảng dạy môn XSTK cho SV ngành KT.* Chúng tôi đã điều tra (tháng 5/2011) thực trạng dạy học môn XSTK theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp cho SV KT ở trường CDCN Phúc Yên, qua phiếu điều tra, phỏng vấn, dự giờ, trao đổi trực tiếp với 8 GV dạy môn Toán ở trường (100% có trình độ thạc sĩ; 75% có thời gian công tác trên 10 năm; 25% có thời gian công tác dưới 10 năm). Kết quả như sau (xem bảng 2).

Bảng 2. Thực tế dạy học bộ môn XSTK cho SV ngành KT theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp

| TT | Nội dung điều tra | Số GV thực tế đã thực hiện nội dung |
|----|---|-------------------------------------|
| 1 | Không cần biết đến chương trình, giáo trình cụ thể dạy | 0% |
| 2 | Nghiên cứu chương trình, giáo trình nhưng chỉ biết dạy hết giờ, hết bài không có ý gắn nội dung kiến thức với phát triển nghề nghiệp | 25% |
| 3 | Nghiên cứu chương trình, giáo trình và có ý thức gắn nội dung kiến thức để phát triển năng lực nghề nghiệp của SV. | 75% |
| 4 | Nghiên cứu chương trình, giáo trình đồng thời tạo ra các nội dung thực tế, yêu cầu SV phải tự mình xâm nhập thực tế và rút ra bài học, tự phát triển năng lực nghề nghiệp | 37,5% |

Bảng 2 cho thấy, đa số các GV (75%) chỉ coi việc dạy học là đảm bảo chương trình nội dung học phần một cách vững chắc, đầy đủ, ít chú trọng đến việc khai thác nội dung chuyên môn gắn với thực tiễn nghề nghiệp của SV. Một số GV (25%) chỉ cố gắng dạy hết bài, hết giờ chứ không có ý gắn nội dung kiến thức với phát triển nghề nghiệp. Những GV còn lại trưởng thành trong nghề (37,5%), có ý thức thay đổi phương pháp dạy học linh hoạt, dạy đủ nội dung chương trình, đồng thời tạo ra các nội dung thực tế, yêu cầu SV phải tự mình xâm nhập thực tế và rút ra bài học, tự phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân.

Tìm hiểu nguyên nhân thực trạng trên, chúng tôi nhận thấy:

- Việc dạy học phần XSTK chỉ đảm bảo đủ nội dung chương trình đã trở thành «truyền thống» đối với một bộ phận GV. Tổ chức hoạt động học tập cho SV ứng dụng vào nghề nghiệp buộc GV phải đầu tư nhiều thời gian nghiên cứu thực tế nên họ ngại thực hiện; ngoài ra, một số GV trẻ chưa có kinh nghiệm dạy học với «nội dung» dạy trong 2 tín chỉ như vậy nên họ thường xuyên bị «cháy» giáo án, do đó không nghĩ đến việc phải xây dựng thêm ví dụ thực tiễn cho SV.

- Một số GV còn hạn chế về khả năng lí giải một cách sâu sắc vấn đề vận dụng nội dung chương trình học phần theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV do thiếu các tài liệu để tìm hiểu, khai thác và mở rộng kiến thức về vận dụng thực tế, nên không xây dựng được nội dung phong phú, hấp dẫn về ứng dụng của học phần, không kích thích được SV tích cực tham gia hoạt động.

- Do cách đánh giá kiến thức của học phần này ở trường CĐ, chủ yếu là đánh giá kiến thức thuần túy, không quan tâm đến việc đánh giá khả năng vận dụng kiến thức học phần vào thực tế, nên một số GV và SV có quan điểm là dạy và học chủ yếu là đáp ứng cách đánh giá kiến thức thuần túy sau khi kết thúc học phần.

3. Một số định hướng dạy học bộ môn XSTK cho SV ngành KT theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp

Qua thực trạng dạy và học trên, chúng tôi xin đưa ra một số định hướng dạy học bộ môn XSTK theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp như sau:

- GV cần trang bị cho SV vốn kiến thức cơ bản theo chuẩn đào tạo: định nghĩa XSTK, các phép toán xác suất, các mô hình xác suất, mô hình thống kê..., để từ đó SV chiếm lĩnh kiến thức môn học một cách tự nhiên, không có cảm giác bị áp đặt, tạo được thái độ yêu thích bộ môn, kích thích nhu cầu ứng dụng được kiến thức bộ môn vào thực tế nghề nghiệp.

- Dựa trên nội dung, chương trình môn XSTK và mục tiêu chuẩn đầu ra của ngành KT, trình độ nhận thức của SV, GV phải đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, cải tiến chương trình, giáo trình để giảng dạy cho SV kiến thức thiết thực hơn, thông qua việc tăng cường mối liên hệ giữa môn học XSTK và nghề KT; sự phù hợp với trình độ nhận thức và nhu cầu nghề nghiệp của SV; khả năng thích ứng với thực tế và giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp. Ví dụ: trong việc thiết kế bài giảng, GV cần chú ý tạo ra các tình huống xây dựng và củng cố kiến thức cho SV theo mục tiêu làm «cầu nối» giữa kiến thức môn XSTK với thực tiễn nghề nghiệp của SV.

Giáo dục nhân cách cho người học, trang bị cho SV phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt thông qua nội dung, các ví dụ thực tiễn của môn học nhằm đáp ứng chuẩn «thái độ nghề nghiệp» của nguồn nhân lực có năng lực trình độ cao.

Dạy học XSTK theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp đòi hỏi rất cao đối với đội ngũ GV về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh sự tự rèn luyện và nỗ lực của cá nhân GV, nhà trường cũng cần đổi

mới chương trình bồi dưỡng cho GV hàng năm, nhằm chuyên môn hóa GV theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp nói chung và nghề KT nói riêng, đặc biệt tạo điều kiện về cơ sở vật chất, tài liệu phục vụ dạy học theo hướng «lí luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành» cho GV và SV một cách hiệu quả nhất. □

Tài liệu tham khảo

1. Trường Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên. *Chuẩn đầu ra hệ cao đẳng chuyên nghiệp K5, khoa Kinh tế, ngành Kế toán*, 2011
2. Bộ GD-ĐT. *Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT Hà Nội, ngày 15/8/2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
3. Lưu Xuân Mới. *Phương pháp dạy học đại học*. NXB Giáo dục, H 2001.
4. Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên) - Nguyễn Kỳ - Lê Khánh Bằng - Vũ Văn Tảo. *Học và dạy cách học*. NXB Đại học sư phạm, H 2002.
5. Đào Hữu Hồ. *Xác suất thống kê*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.

SUMMARY

In this paper, we present the actual situation of teaching the probability and statistics course towards occupational capacity approach in Phuc Yen College of Industry for accounting majors today. Thereby giving some main direction to contribute to renewing the program, content and teaching methods to meet the requirements of teaching approaches that will enhance the professional abilities of students.

THÔNG BÁO

Tạp chí Giáo dục ra 1 tháng 2 kì, đặt mua thuận tiện tại các bưu cục địa phương (Mã số C192), hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học tiếp tục đặt mua **Tạp chí Giáo dục** Quý IV năm 2012. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC